

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 - ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06 /2025/DS-ST

Ngày 04/08 /2025

V/v: "Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Trần Văn Xuyên.

- **Hội thẩm nhân dân:**

[1]. Ông Trần Huệ;

[2]. Bà Trần Thị Hải;

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Thị Chang – là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Nai.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Mai Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 08 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Nai, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 157/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2024, về việc “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2025/QĐST-DS, ngày 16 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Lê Thị N, Sinh năm 1976.(có mặt)

Địa chỉ: Thôn 3, xã m, huyện b, tỉnh Bình Phước.

Nay thuộc: thôn h, xã b, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Trần Thị L, Sinh năm: 1972 (vắng mặt).

Trú tại : Thôn 4, xã m, huyện b, tỉnh Bình Phước

Nay thuộc: thôn m, xã b, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 08 năm 2024 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn Lê Thị N trình bày:

Trước đây tôi có cho bà Trần Thị L vay số tiền 200.000.000đ, tiền lãi 6.000.000đ/1 tháng, đến ngày 13/08/2020 thì viết giấy khất nợ và hứa cam kết thời hạn trả nợ cuối cùng đến ngày 10/09/2023 trả tiền gốc 200.000.000đ và tiền lãi là 12.000.000đ nhưng cho đến nay bà Trần Thị L vẫn chưa trả. Vì vậy tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị L phải trả cho tôi số tiền gốc là 200.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 13/08/2020 đến nay mức lãi 2%1 tháng tạm tính đến ngày 13/08/2024 là 192.000.000đ. Tại phiên tòa nguyên

đơn thay đổi nội dung khởi kiện, cụ thể lãi suất yêu cầu tính theo quy định pháp luật về lãi trong hạn và lãi quá hạn.

Bị đơn bà Trần Thị L mặc dù Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm khẳng định: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đủ trình tự, thủ tục tố tụng, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tố tụng của các đương sự theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn và bị đơn tranh chấp về " Hợp đồng vay tài sản ".

Bị đơn cư trú tại xã Bù Đăng, tỉnh Đồng Nai, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Nai.

[3]. Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn xét thấy.

Theo "Giấy khất tiền nợ" mà nguyên đơn cung cấp, xác định được đến ngày 13/08/2020 bị đơn nợ nguyên đơn số tiền 200.000.000đ và các bên có thỏa thuận thời hạn trả nợ cuối cùng đến ngày 10/09/2023 trả tiền gốc 200.000.000đ, tiền lãi 2 tháng là 12.000.000đ.

Bà Trần Thị L mặc dù Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, không thể hiện ý kiến của mình.

Như vậy đã quá thời hạn trả nợ nhưng bị đơn vẫn chưa trả nợ cho nguyên đơn, quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị xâm phạm, vì vậy cần buộc bị đơn bà Trần Thị L trả cho nguyên đơn bà Lê Thị N số tiền vay gốc 200.000.000đ.

Về tiền lãi, các bên có thỏa thuận về lãi suất nhưng mức lãi suất cao hơn quy định của pháp luật nên áp dụng mức lãi tối đa 1,66%/1 tháng theo quy định pháp luật, lãi trong hạn từ ngày 13/08/2020 đến ngày 10/09/2023 là 36 tháng 28 ngày:

$200.000.000đ \times 1,66\%/1 \text{ tháng} \times 36 \text{ tháng} 28 \text{ ngày} = 122.618.667đ.$

Lãi quá hạn bằng 150% so với lãi suất cho vay ($1,66 \times 150\% = 2,49\%$) từ ngày 11/09/2023 đến nay là 22 tháng 24 ngày và nên tính như sau:

$200.000.000đ \times 2,49\%/1 \text{ tháng} \times 22 \text{ tháng} 24 \text{ ngày} = 123.504.000đ$

tổng tiền lãi 246.122.667đ.

tổng cộng tiền gốc và lãi 446.122.667đ. bị đơn bà Trần Thị có nghĩa vụ hoàn trả nợ cho bà Lê Thị N.

[4]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn bà Trần Thị L phải nộp án phí theo luật định, số tiền án phí là 21.844.906đ. Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.800.000đ

theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003940 ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước (cũ).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự 2015;
- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Tòa án;

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Trần Thị L phải trả cho nguyên đơn bà Lê Thị N số tiền vay gốc 200.000.000đ. tiền lãi 246.122.667đ.

Tổng cộng tiền gốc và lãi 446.122.667đ.

[2]. Về án phí: Buộc bị đơn bà Trần Thị L nộp số tiền án phí DSST là 21.844.906đ. Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Lê Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.800.000đ, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003940 ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước (cũ).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ;
- VKS ND ;
- THA DS;
- Đương sự;
- Lưu HS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Xuyên